TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 21/8/2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 368/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG TT.

Trụ sở: Đường N, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thân Lê N, địa chỉ đường N, Phường VTS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1069/2023/UQ-TGĐ ngày 01/6/2023). Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Bạch X, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đường T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG TT có ông Thân Lê N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/8/2017, bà Hồ Bạch X có ký với Ngân hàng TMCP SG TT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) với hạn mức tín dụng là 21.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân với loại thẻ Visa.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 177.627.557 đồng, hàng tháng bà X phải thanh toán vào ngày 31 số tiền đến hạn cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch gửi cho bà X. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời đểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SG TT về chi tiết lãi, phí được nêu trong tóm tắt sao kê.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 165.576.540 đồng. Chi tiết thanh toán các lần thanh toán được nêu trong bảng tóm tắt sao kê. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là trừ phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ được trừ vào số tiền bà X giao dịch, số tiền còn lại gọi là gốc số tiền 24.633.979 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà X không có thiện chí trả nợ. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ nêu trên còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện buộc bà X thanh toán cho Ngân hàng như sau: Thẻ Visa số thẻ 472075-7639 gồm: Gốc 24.633.979 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 tạm tính đến ngày 28/6/2023 với mức lãi suất 3,9%/tháng số tiền 29.109.816 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu luật pháp luật.

Từ ngày 29/6/2023, bà X phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu bà X trả nợ cho Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp. Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà X và Ngân hàng không biết bà X có chồng hay không. Nếu bà X có chồng thì cũng không yêu cầu chồng của bà X cùng có trách nhiệm với bà X giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn bà X không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N ngày 16/8/2023 yêu cầu như sau: Buộc bà Hồ Bạch X trả cho Ngân hàng TMCP SG TT tổng số tiền 55.473.091 đồng do sử dụng thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-7639 gồm: Nợ gốc số tiền 24.633.979 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/8/2023 số tiền 30.839.112 đồng với mức lãi suất 3,9%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 22/8/2023, bà X phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Bà X sử dụng thẻ Visa với mục đích cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu chồng của bà X phải cùng bà X trả nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà Hồ Bạch X vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG TT khởi kiện bà X trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2017 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Hồ Bạch X sinh năm 1995, có hộ khẩu thường trú tại đường T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2016 đến nay, có thông tin đang cư trú tại đường T, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh*" và tại kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Tại địa chỉ đường T, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh không có nhân khẩu tên Hồ Bạch X sinh năm 1995 đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại địa phương*.".

[1.3] Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2017 thì tại phần thông tin cá nhân bà X cung cấp cho Ngân hàng với địa chỉ tại số đường T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi bà X thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà X có địa chỉ tại đường T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn bà X được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn bà X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Đại diện nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà Hồ Bạch X trả cho Ngân hàng TMCP SG TT tổng số tiền 55.473.091 đồng do sử dụng thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-7639 gồm: Nợ gốc số tiền 24.633.979 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/8/2023 số tiền 30.839.112 đồng với mức lãi suất 3,9%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 22/8/2023, bà X phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2017 của bà X đối với Ngân hàng TMCP SG TT thì bà X được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 21.000.000 đồng với thẻ số 472075-7639.

[2.1.2] Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên,*

theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định." và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*.", và tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: " *1. Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của TCPHT khi ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin mà mình cung cấp.*

2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng Mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các Khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã ký với TCPHT.".

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SG TT quy định tại khoản 1.9 Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: "*Dư nợ thẻ gọi tắt dư nợ là tổng dư nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ."*, tại Điều 19 quy định số tiền thanh toán như sau: *"Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gởi cho chủ thẻ. Tuy nhiên chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu…"*, tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau: " *... việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ." và* tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: " *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán*", thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của bà X số thẻ 472075-7639 thể hiện các giao dịch từ ngày 31/8/2017 cho đến ngày 31/12/2020 thì bà X giao dịch tổng số tiền 177.726.557 và thanh toán được số tiền 165.576.540 đồng. Số tiền bà X thanh toán cho Ngân hàng, Ngân hàng trừ lãi, phí số tiền 12.483.962 đồng trước, số tiền 153.092.578 đồng còn lại thì Ngân hàng trừ vào số tiền giao dịch nên bà X còn dư nợ số tiền 24.633.979 đồng và không thanh toán cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà X phải trả số tiền 24.633.979 đồng do sử dụng thẻ tín dụng

là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "*1.Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.".

[2.2.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 23 về vi phạm như sau: " …*Chấm dứt quyền quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ".* Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/01/2021 là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viễn dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.3] Căn cứ Quyết định số 2399/20219/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng TMCP SG TT về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam quy định mức lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà X trả số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn 3,9%tháng tính từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày 21/8/2023 số tiền 30.839.112 đồng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà X phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 2.773.655 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG TT được chấp nhận số tiền 55.473.091 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210,

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG TT.

Buộc bà Hồ Bạch X trả cho Ngân hàng TMCP SG TT tổng số tiền 55.473.091 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 24.633.979 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/8/2023 số tiền 30.839.112 của thẻ Visa số 472075-7639 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2017. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hồ Bạch X còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền gốc 24.633.979 đồng cho Ngân hàng TMCP SG TT theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2017 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Bạch X phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 2.773.655 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 727.933 đồng theo biên lai thu tiền số 0006687 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG TT và bị đơn bà Hồ Bạch X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn